

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 13 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 01 - 2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Hào

Ông Huỳnh Văn Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thái Trân –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 370/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025, về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 533/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 522/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 27/11/1992; nơi cư trú: Số H N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số 075192002046. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Kiều Minh N, sinh ngày 21/4/1993; nơi cư trú: Số D ấp M, xã V, tỉnh An Giang; CCCD số 089093008737. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày và có ý kiến như sau:*

- Về hôn nhân: Giữa bà Trần Thị Ngọc T và ông Kiều Minh N tự quen biết sau đó có thời gian tìm hiểu và tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 136 cấp ngày 03/8/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã có thời gian ly thân hơn một năm nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N, bà cam kết từ trước đến nay vụ việc ly hôn giữa ông bà chưa được giải quyết bằng bản án hay quyết định nào.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung chưa thành niên tên Kiều Minh K, sinh ngày 10/5/2017 từ trước đến nay bà đều là người trực tiếp nuôi con, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Kiều Minh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Kiều Minh N không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T khởi kiện ông Kiều Minh N cư trú tại địa bàn khu vực 13 – An Giang (xã V, tỉnh An Giang) yêu cầu ly hôn, giải quyết về nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 28/11/2025, với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc T. Ông Kiều Minh N đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Kiều Minh N vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc T và ông Kiều Minh N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Trần Thị Ngọc T và ông Kiều Minh N là hôn nhân hợp pháp bởi ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9

Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Xem xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông, bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, ông Kiều Minh N không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc T. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Trần Thị Ngọc T được ly hôn với ông Kiều Minh N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo giấy khai sinh của Kiều Minh K, sinh ngày 10/5/2017 cũng như lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc T và nội dung biên bản xác minh tại Văn phòng ấp M, xã V, tỉnh An Giang thì giữa bà T và ông Kiều Minh N có 01 (một) con chung tên Kiều Minh K hiện con chung chưa thành niên đang do bà Trần Thị Ngọc T đang nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy, theo tài liệu chứng cứ hồ sơ vụ án thể hiện con chung chưa thành niên Kiều Minh K đã và đang được bà Trần Thị Ngọc T giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt đều này cũng phù hợp với nguyện vọng ý chí của của cháu K được thể hiện tại Bản tự khai đề ngày 25/11/2025 mong muốn tiếp tục được sống cùng bà T nên việc bà Trần Thị Ngọc T yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên Kiều Minh K là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung chưa thành niên tên Kiều Minh K, sinh ngày 10/5/2017 cho bà Trần Thị Ngọc T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Kiều Minh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Trần Thị Ngọc T và các thành viên trong gia đình của bà Trần Thị Ngọc T không được cản trở ông Kiều Minh N thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Trần Thị Ngọc T không có ý kiến, yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc T trình bày giữa bà và ông Kiều Minh N về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay do không có mặt của ông Kiều Minh N để đối chất làm rõ các mối

quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc T và ông Kiều Minh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 136 cấp ngày 03/8/2016 do Ủy ban nhân dân phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ chí Minh) cấp cho bà Trần Thị Ngọc T và ông Kiều Minh N không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Ngọc T và ông Kiều Minh N có 01 (một) con chung chưa thành niên Kiều Minh K, sinh ngày 10/5/2017. Giao con chung chưa thành niên tên Kiều Minh K, sinh ngày 10/5/2017 cho bà Trần Thị Ngọc T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Kiều Minh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Trần Thị Ngọc T và các thành viên trong gia đình của bà Trần Thị Ngọc T không được cản trở ông Kiều Minh N thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Trần Thị Ngọc T không có ý kiến, yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006664 ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - An Giang. Bà Trần Thị Ngọc T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ngọc T và ông Kiều Minh N vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 13 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13- An Giang;
- UBND phường Phú Định, TP. HCM;
- Công an phường Phú Định, TP. HCM;
- UBND xã Vĩnh Thạnh Trung;
- Công an xã Vĩnh Thạnh Trung;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tuyết Mai**